

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 9 năm 2011

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
TP. HỒ CHÍ MINH	
TIỀN	Số: 32999
	Giờ: Ngày 25 tháng 10 năm 11

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		237,440,808,433	245,750,149,514
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V1	99,840,805,227	56,985,569,611
1	Tiền	111		13,832,138,953	20,225,569,611
2	Các khoản tương đương tiền	112		86,008,666,274	36,760,000,000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		42,171,814,226	127,660,282,919
1	Đầu tư ngắn hạn	121	V2	44,190,295,328	130,196,944,407
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V3	(2,018,481,102)	(2,536,661,488)
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78,914,897,572	48,502,764,693
1	Phải thu khách hàng	131	V4	28,155,482,147	20,073,481,771
2	Trả trước cho người bán	132	V5	50,489,700,894	25,983,434,260
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ hợp đồng	134		-	-
5	Các khoản phải thu khác	135	V6	379,285,771	2,646,149,902
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V7	(109,571,240)	(200,301,240)
IV	Hàng tồn kho	140		12,768,886,341	9,839,763,528
1	Hàng tồn kho	141	V8	12,768,886,341	9,839,763,528
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		3,744,405,067	2,761,768,763
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		465,960,503	178,658,829
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		275,101,832	366,488,273
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V9	1,452,295,220	1,241,297,800
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	V10	1,551,047,512	975,323,861

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48,851,425,364	51,325,674,447
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2 Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3 Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4 Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II Tài sản cố định	220		21,853,387,722	23,077,849,723
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V11	20,243,487,898	20,481,934,291
Nguyên giá	222		35,177,722,184	29,935,338,335
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14,934,234,286)	(9,453,404,044)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V12	365,829,034	2,278,608,744
Nguyên giá	225		2,306,264,929	5,859,726,300
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1,940,435,895)	(3,581,117,556)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V13	4,813,038	11,674,410
Nguyên giá	228		86,197,649	86,197,649
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(81,384,611)	(74,523,239)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V14	1,239,257,752	305,632,278
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		17,198,000,000	17,198,000,000
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V15	17,198,000,000	17,198,000,000
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V Lợi thế thương mại	260	V16	6,523,619,596	7,499,243,566
VI Tài sản dài hạn khác	270		3,276,418,046	3,550,581,158
1 Chi phí trả trước dài hạn	271	V17	1,865,642,269	2,565,447,416
2 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	V18	972,359,849	606,251,900
3 Tài sản dài hạn khác	273	V19	438,415,928	378,881,842
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		286,292,233,797	297,075,823,961

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		37,686,068,465	36,607,464,346
I Nợ ngắn hạn	310			37,039,621,317	35,540,983,238
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V20		17,770,947	198,645,897
2 Phải trả người bán	312	V21		7,130,045,143	4,384,458,933
3 Người mua trả tiền trước	313	V22		255,517,081	458,256,756
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V23		3,418,370,557	4,910,353,668
5 Phải trả người lao động	315	V24		19,692,147,812	18,365,510,844
6 Chi phí phải trả	316	V25		618,613,640	1,801,995,952
7 Phải trả nội bộ	317			-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V26		2,065,462,801	858,390,347
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V27		-	125,000,000
11 Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V28		3,841,693,336	4,438,370,841
II Nợ dài hạn	330			646,447,148	1,066,481,108
1 Phải trả dài hạn người bán	331			-	-
2 Phải trả dài hạn nội bộ	332			-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333	V29		206,715,700	157,466,500
4 Vay và nợ dài hạn	334	V30		-	258,236,000
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V31		40,325,614	143,448,158
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V32		399,405,834	507,330,450
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337			-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338			-	-
9 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400			247,146,742,973	259,316,897,756
I Vốn chủ sở hữu	410			247,146,742,973	259,316,897,756
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V33		115,500,000,000	115,500,000,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412	V33		108,248,900,000	108,248,900,000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413			-	-
4 Cổ phiếu quỹ	414			(16,904,100,720)	(16,904,100,720)
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417	V33		6,905,188,560	6,417,328,186
8 Quỹ dự phòng tài chính	418	V33		6,944,978,901	6,466,579,399
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V33		26,451,776,232	39,588,190,891
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			-	-
12 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			-	-
1 Nguồn kinh phí	432			-	-
2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V34		1,459,422,359	1,151,461,859
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440			286,292,233,797	297,075,823,961

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
1 Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3 Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4 Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5 Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		-	-	-	-
Dollar Mỹ (USD)		200.00		200.00	
Euro (EUR)		50.82		50.82	
6 Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2011

Bùi Xuân Tường
Người lập bảngTrần Anh Phương
Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ phường 17 quận Bình Thạnh TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	
			Quý 3/2011	Quý 3/2010	Quý 3/2011	Quý 3/2010
1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ	01		61,804,802,649	52,731,478,690	173,321,354,560	145,377,951,804
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và dịch vụ	10	VL.1	61,804,802,649	52,731,478,690	173,321,354,560	145,377,951,804
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	50,927,338,322	43,480,958,225	141,994,492,130	121,155,809,106
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		10,877,464,327	9,250,520,465	31,326,862,430	24,222,142,698
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	2,411,661,010	(310,128,696)	9,546,492,640	13,877,337,437
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	(730,715,625)	132,547,565	8,785,541,010	6,280,638,090
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	22,601,343	26,534,150	86,146,058
8. Chi phí bán hàng	24	VL.5	1,153,943,148	154,810,901	3,275,314,479	2,126,282,561
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.6	6,391,835,716	6,695,086,146	19,627,239,344	17,946,095,149
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6,474,062,098	1,957,947,157	9,185,260,237	11,746,464,335
11. Thu nhập khác	31	VL.7	660,241,129	4,442,871	2,005,089,469	173,848,780
12. Chi phí khác	32	VL.8	29,374,500	155,905,436	841,097,255	166,207,917
13. Lợi nhuận khác	40		630,866,629	(151,462,565)	1,163,992,214	7,640,863
14. Phần lãi, lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7,104,928,727	1,806,484,592	10,349,252,451	11,754,105,198
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	1,690,560,322	606,216,863	4,131,374,631	3,141,558,695
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VL.9	(170,355,686)	(28,424,065)	(366,107,950)	(34,871,766)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5,584,724,091	1,228,691,794	6,583,985,770	8,647,418,269
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		444,452,546	244,681,434	273,432,665	181,682,480
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		5,140,271,545	984,010,360	6,310,553,105	8,465,735,789
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.10	487	85	598	1,107

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2011


Bùi Xuân Tường
Người lập bảng

Trần Anh Phương
Kế toán trưởngNguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Quý III/2011	Quý III/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10,349,252,451	11,754,105,198
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3,436,692,166	3,260,073,911
- Các khoản dự phòng	03		(608,910,386)	1,044,624,000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7,553,288,929)	(3,809,421,538)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	994,263,317	75,939,105
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6,618,008,619	12,325,320,676
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(22,215,263,172)	1,282,185,830
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3,633,131,966)	(3,838,428,832)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2,750,762,626	6,475,351,334
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(198,970,285)	238,492,077
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1,187,491,145)	(75,939,105)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4,466,153,265)	(6,495,026,282)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		5,189,959,842	2,254,174,500
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(10,216,148,618)	(4,036,857,155)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(27,358,427,364)	8,129,273,043
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,230,494,843)	(2,233,620,424)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		549,000,000	154,545,455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(80,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		80,000,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(50,100,000,000)	(447,400,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		48,742,038,831	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19,517,229,942	3,425,672,329
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		97,477,773,930	(79,100,802,640)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA C KI M N)

Giai đ n 9 ng đ u năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Quý III/2011	Quý III/2010
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	57,750,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		131,301,808	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(421,340,000)	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(149,072,758)	(863,255,460)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26,825,000,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(27,264,110,950)	56,886,744,540
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		42,855,235,616	(14,084,785,057)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	56,985,569,611	83,666,276,875
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	99,840,805,227	69,581,491,818

Bùi Xuân Tường
Người lập bảng**Trần Anh Phương**
Kế toán trưởng**Nguyễn Văn Khải**
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Đại lý ký gửi hàng hóa; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Mua bán thiết bị vệ sinh công nghiệp; Mua bán dụng cụ thiết bị ngành công nghiệp – lâm nghiệp – xây dựng; Dịch vụ thương mại; Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị công nghiệp, hàng điện tử (không rèn đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; Si mạ điện; Tái chế phế thải tại trụ sở); Dịch vụ sửa chữa nhà; Dịch vụ chống mối mọt, diệt côn trùng; Dịch vụ trang trí nhà cửa, phong cảnh, vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú; Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ quản lý nhà cao tầng, căn hộ;

4. **Tổng số các công ty con** : 03

Trong đó:

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Liên Thái Bình	Tầng 3, số 1C Ngõ Quyền, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	100%	100%
Công ty cổ phần thương mại Pan	236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	80%	80%
Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyền Thái Bình	236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	100%	100%

6. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 11 năm 2010 Tập đoàn có 4.488 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn. Quý III/2011, không thấy có sự biến động số lượng nhân viên đang làm việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. **Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm**
Từ tháng 3 năm 2010, Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình đã chuyển giao hoạt động kinh doanh dịch vụ vệ sinh cũng như chuyển nhượng tài sản, công cụ dụng cụ liên quan đến hoạt động dịch vụ vệ sinh cho Công ty con - Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyền Thái Bình.

Trong năm, Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình đã tăng vốn điều lệ từ 70.000.000.000 VND lên 115.500.000.000 VND và đã thực hiện xong thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 thông qua các nội dung trong đó có nội dung giám ngành đăng ký kinh doanh là đại lý phát hành sách báo và cho thuê máy móc thiết bị.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Từ năm 2010, trong phạm vi có liên quan, các Công ty trong Tập đoàn áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.7.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 03 đến 05 năm.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

15. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành hàng hóa

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại hàng hóa có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Tập đoàn được ước tính 1,5% trên doanh thu các hàng hóa có yêu cầu bảo hành.

17. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

18. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

19. Cổ tức

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

21. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
30/09/2011 : 20.830 VND/USD

22. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	487.746.420	794.927.165
Tiền gửi ngân hàng	13.344.392.533	19.430.642.446
Các khoản tương đương tiền (*)	86.008.666.274	36.760.000.000
Cộng	<u>99.840.805.227</u>	<u>56.985.569.611</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

Số cuối kỳ

Số đầu năm

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn ^(a)		44.190.295.328		50.196.944.407
- Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre	180.300	7.607.197.842	136.000	5.915.104.410
- Công ty cổ phần địa ốc An Lạc ^(*)	900.000	9.000.000.000	900.000	9.000.000.000
- Công ty cổ phần thủy sản Cửu Long ^(*)	92.400	3.500.000.000	92.400	3.500.000.000
- Công ty cổ phần Đại Nam ^(*)	47.000	4.700.000.000	47.000	4.700.000.000
- Công ty cổ phần Hùng Vương	800.010	14.777.553.070	-	-
- Công ty cổ phần Long Hậu	76.300	4.604.673.260	76.280	4.600.486.608
- CTCP ĐT&PT CN điện tử viễn thông	11	566.946	319.711	15.627.490.980
- CTCP Gemadept	6	304.210	6	304.210
- Công ty cổ phần FPT	-	-	100.000	6.830.656.180
- Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	-	-	960	22.902.019
Trái phiếu ngắn hạn - CTCP CK SG ^(b)	-	-	80.000	80.000.000.000
Cộng		44.190.295.328		130.196.944.407

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	2.536.661.488
Chênh lệch hoàn nhập và trích lập bổ sung	(518.180.386)
Số cuối kỳ	2.018.481.102

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình	4.323.051.903	4.687.626.286
Tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyền Thái Bình	16.421.723.163	10.267.706.873
Tại Công ty TNHH Liên Thái Bình	4.972.448.593	4.304.206.253
Tại Công ty cổ phần thương mại Pan	2.438.258.488	813.942.359
Cộng	28.155.482.147	20.073.481.771

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình	50.229.786.093	25.277.244.108
Tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyền Thái Bình	141.957.251	606.452.401
Tại Công ty TNHH Liên Thái Bình	12.541.000	44.361.000
Tại Công ty cổ phần thương mại Pan	105.416.550	55.376.751
Cộng	50.489.700.894	25.983.434.260

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
--	-------------------	-------------------

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn - lãi dự thu của trái phiếu đầu tư ngắn hạn	-	2.400.000.000
Các khoản khác	379.285.771	246.149.902
Cộng	379.285.771	2.646.149.902

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	56.252.000	56.252.000
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	53.319.240	144.049.240
Cộng	109.571.240	200.301.240

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

Số đầu năm	200.301.240
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Hoàn nhập dự phòng	(90.730.000)
Số cuối năm	109.571.240

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	3.787.814.934	2.671.235.305
Công cụ, dụng cụ	82.480.062	132.250.270
Hàng hóa	8.898.591.345	7.036.277.953
Cộng	12.768.886.341	9.839.763.528

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước
Thuế nộp thừa (xem thêm thuyết minh số V.23).**10. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	629.315.075	368.288.861
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	921.732.437	607.035.000
Cộng	1.551.047.512	975.323.861

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	14.711.239.480	8.964.516.248	5.331.504.874	928.077.733	29.935.338.335
Mua sắm mới	-	1.423.165.100	767.716.364	36.508.559	2.227.390.023
Chuyển loại TSCĐ	-	5.248.845.596	-	-	5.248.845.596
Thanh lý, nhượng bán	(355.339.981)	-	(1.878.511.789)	-	(2.233.851.770)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số cuối kỳ	14.355.899.499	15.636.526.944	4.220.709.449	964.586.292	35.177.722.184
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	386.370.000	-	386.370.000
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	2.323.342.234	3.550.857.348	2.987.465.843	591.738.619	9.453.404.044
Chuyển loại TSCĐ	-	4.095.104.956			4.095.104.956
Khấu hao trong năm	963.445.370	1.392.757.009	317.091.830	153.341.886	3.391.225.903
Thanh lý	(76.753.436)	-	(1.364.157.373)	-	(1.440.910.809)
Số cuối kỳ	3.210.034.168	9.038.719.313	1.940.400.300	745.080.505	14.934.234.286
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	12.387.897.246	5.413.658.899	2.344.039.031	336.339.114	20.481.934.290
Số cuối kỳ	11.145.865.331	6.597.807.631	2.280.309.149	219.505.787	20.243.487.898
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 708.050.000 VND và 649.533.824 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH Indovina (xem thuyết minh số V.30).

12. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Máy móc và thiết bị dịch vụ vệ sinh. Chi tiết phát sinh như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	5.859.726.300	3.581.117.556	2.278.608.744
Tăng trong năm		386.300.839	
Chuyển CCDC, TSCĐ	(3.553.461.371)	(2.026.982.500)	
Số cuối kỳ	2.306.264.929	1.940.435.895	365.829.034

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	86.197.649	74.523.239	11.674.410
Tăng trong năm		6.861.372	
Số cuối kỳ	86.197.649	81.384.611	4.813.038

14. Chi phí xây dựng dở dang

Chi phí mua máy móc thiết bị trong quá trình hình thành.

15. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn cổ phiếu. Chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần đầu tư bất động	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
sản chứng khoán Sài Gòn				
Công ty cổ phần Việt Tín	4.968	4.698.000.000	4.968	4.698.000.000
Công ty cổ phần cơ - điện - môi trường Lilama	750.000	7.500.000.000	750.000	7.500.000.000
Cộng		17.198.000.000		17.198.000.000

16. Lợi thế thương mại

Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình cho rằng giá trị sổ sách của Công ty TNHH Liên Thái Bình tại ngày mua là giá trị hợp lý. Khoản chênh lệch giữa giá mua với giá trị hợp lý tại ngày mua là lợi thế thương mại và được phân bổ trong 10 năm. Chi tiết như sau:

Giá trị lợi thế thương mại	13.008.319.600
Số đã phân bổ	
- Số phân bổ đầu năm	(5.509.076.034)
- Số phân bổ trong kỳ	(975.623.970)
- Lũy kế số phân bổ cuối kỳ	(6.484.700.004)
Số còn phải phân bổ cuối kỳ	6.523.619.596

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ	2.413.007.014	1.392.729.706	(2.312.607.789)	1.493.128.931
Chi phí khác	152.440.402	727.643.486	(507.570.550)	372.513.338
Cộng	2.565.447.416	2.120.373.192	(2.820.178.339)	1.865.642.269

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	606.251.900
Phát sinh trong năm	468.414.474
Hoàn nhập trong năm	(102.306.525)
Số cuối kỳ	972.359.849

19. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

20. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.29)		163.104.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (*)	17.770.947	35.541.897
Cộng	17.770.947	198.645.897

(*) Nợ thuê tài chính đến hạn trả cho Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn đến hạn trả	163.104.000	-	(163.104.000)	-	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	35.541.897	-	(17.770.950)	-	17.770.947
Cộng	198.645.897	-	(72.138.950)	-	17.770.947

21. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình	1.215.420.922	371.317.403
Tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyền Thái Bình	1.394.627.651	1.812.888.706
Tại Công ty TNHH Liên Thái Bình	485.796.066	288.815.802
Tại Công ty cổ phần thương mại Pan	4.034.200.504	1.911.437.022
Cộng	7.130.045.143	4.384.458.933

22. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình	38.700.478	321.932.543
Tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyền Thái Bình	78.380.855	27.244.003
Tại Công ty TNHH Liên Thái Bình	50.000	-
Tại Công ty cổ phần thương mại Pan	138.385.748	109.080.210
Cộng	255.517.081	458.256.756

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.717.300.767	15.191.077.715	(15.065.868.675)	1.842.509.807
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	3.983.835	690.429.574	(756.898.489)	(62.485.080)
Thuế xuất, nhập khẩu	3.744.297	585.279.391	(737.536.028)	(148.512.340)
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	1.837.723.119	3.994.587.538	(5.599.137.703)	233.172.954
Phạt nộp chậm thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	106.303.850	821.634.715	(826.548.569)	101.389.996
Các loại thuế khác	-	11.000.000	(11.000.000)	-
Cộng	3.669.055.868	21.294.008.933	(22.996.989.464)	1.966.075.337

(*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.9):

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ bao gồm:

Cuối kỳ

Đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Số phải nộp	1.474.470.754	3.079.020.919
- Số nộp thừa	(1.241.297.800)	(1.241.297.800)
Cộng	233.172.954	1.837.723.119

Thuế GTGT hàng nhập khẩu cuối kỳ bao gồm:

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Số phải nộp	-	3.983.835
- Số nộp thừa	(62.485.080)	-
Cộng	(62.485.080)	3.983.835

Thuế xuất nhập khẩu cuối kỳ bao gồm:

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Số phải nộp	-	3.744.297
- Số nộp thừa	(148.512.340)	-
Cộng	(148.512.340)	3.744.297

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các doanh nghiệp chế xuất:	0%
- Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các doanh nghiệp khác:	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm như sau:

- Tại Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình	-
- Tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyền Thái Bình	2.431.514.849
- Tại Công ty TNHH Liên Thái Bình	896.292.782
- Tại Công ty cổ phần thương mại Pan	576.780.054
Cộng	3.994.587.538

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

24. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 9 còn phải trả và trích trước phải trả lương tháng 13 công nhân viên.

25. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi trả chậm hợp đồng mua chứng khoán - Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	-	1.707.497.222
Chi phí phải trả khác	618.613.640	94.498.730
Cộng	618.613.640	1.801.995.952

26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	463.333.179	536.507.405
Bảo hiểm xã hội	1.356.917.435	122.066.182
Bảo hiểm thất nghiệp	195.473.340	119.263.340
Phải trả, phải nộp khác	49.738.847	80.553.420
Cộng	2.065.462.801	858.390.347

27. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Khoản trích trước chi phí bảo hành sản phẩm tại Công ty cổ phần thương mại Pan.

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	4.438.370.841
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.673.730.157
Tăng khác	-
Chi quỹ trong năm	(3.270.407.661)
Số cuối kỳ	3.841.693.336

29. Phải trả dài hạn khác

Là khoản tiền ký cược phải trả.

30. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾	-	258.236.000
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	-	258.236.000

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina để mua tài sản cố định. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thêm ở thuyết minh số V.11).⁽ⁱⁱ⁾ Xem thêm ở thuyết minh số V.20**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	258.236.000	-	258.236.000	-
Nợ dài hạn	-	-	-	-
Cộng	258.236.000	-	258.236.000	-

31. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	143.448.158
Phát sinh trong năm	(103.122.544)
Số cuối kỳ	40.325.614

32. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	507.330.450
------------	-------------

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số trích lập bổ sung	-
Số đã chi	(107.924.616)
Số cuối kỳ	<u>399.405.834</u>

33. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 01 đính kèm.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.550.000	11.550.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.550.000	11.550.000
• Cổ phiếu phổ thông	11.550.000	11.550.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.000.000	1.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.550.000	10.550.000
• Cổ phiếu phổ thông	10.550.000	10.550.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của các Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của các Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

34. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con, Công ty CP Thương mại Pan.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>9 tháng 2011</u>	<u>9 tháng 2010</u>
Tổng doanh thu	173.321.354.560	145.377.951.804
Doanh thu bán hàng hóa	8.306.956.622	8.296.466.349
Doanh thu cung cấp dịch vụ	165.014.397.938	137.081.485.455
Các khoản giảm trừ	-	-
Cộng	<u>173.321.354.560</u>	<u>145.377.951.804</u>

2. Giá vốn hàng bán

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	9 tháng 2011	9 tháng 2010
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	4.294.240.106	5.446.136.761
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	137.700.252.024	115.709.672.345
Cộng	141.994.492.130	121.155.809.106
3. Doanh thu hoạt động tài chính	9 tháng 2011	9 tháng 2010
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.817.467.391	2.260.070.996
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	141.264.537	346.384.375
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.629.795.000	1.242.817.333
Lãi hoạt động đầu tư tài chính	923.139.053	9.950.776.507
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	34.826.659	52.010.852
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	25.277.374
Cộng	9.546.492.640	13.877.337.437
4. Chi phí tài chính	9 tháng 2011	9 tháng 2010
Chi phí lãi vay	85.942.254	181.737.376
Chi phí lãi thuê tài chính	1.165.445	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	47.916.787	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	200.994.373	61.427.743
Chi phí hoạt động đầu tư tài chính	1.224.248.474	827.732.158
Lỗ hoạt động đầu tư ngắn hạn	7.584.253.953	508.633.088
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(358.980.276)	4.701.107.725
Cộng	8.785.541.010	6.280.638.090
5. Chi phí bán hàng	9 tháng 2011	9 tháng 2010
Chi phí cho nhân viên	1.905.327.104	574.089.275
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.108.740	96.304.054
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	3.100.072
Chi phí dịch vụ mua ngoài	432.992.078	894.457.283
Chi phí khác	906.886.557	558.331.877
Cộng	3.275.314.479	2.126.282.561
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	9 tháng 2011	9 tháng 2010
Chi phí cho nhân viên	10.497.047.364	8.526.389.217
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.166.224.132	871.429.098
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.450.180.280	1.493.330.834
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.735.127.104	4.912.258.625
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	975.623.970	975.623.967
Chi phí khác	1.622.321.622	1.167.063.408
Cộng	19.627.239.344	17.946.095.149

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	9 tháng 2011	9 tháng 2010
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	626.395.713	155.000.000
Thu nhập khác	1.378.693.756	18.848.780
Cộng	2.005.089.469	173.848.780

8. Chi phí khác

	9 tháng 2011	9 tháng 2010
Phạt chậm nộp thuế		
Thanh lý, các khoản khác	841.097.255	166.207.917
Cộng	841.097.255	166.207.917

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	9 tháng 2011	9 tháng 2010
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(396.410.076)	(56.658.210)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	30.302.127	21.786.444
Cộng	(366.107.950)	(34.871.766)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	9 tháng 2011	9 tháng 2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.310.552.105	7.481.725.429
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.310.552.105	7.481.725.429
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm ^(*)	10.550.000	10.064.896
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	598	743

^(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	9 tháng 2011	9 tháng 2010
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	10.550.000	7.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 4/2010		284.063
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 5/2010		350.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 5/2010		2.430.833
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ mua lại tháng 10/2010		-
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ mua lại tháng 11/2010		-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	10.550.000	10.064.896

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	9 tháng 2011	9 tháng 2010
trong năm		

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng của Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Trong kỳ, Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình đã thuê nhà của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với số tiền là 456.308.180 VND (số cùng kỳ năm trước là 417.368.721 VND).

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	9 tháng 2011	9 tháng 2010
Tiền lương	1.790.334.525	1.984.097.000
Tiền thưởng	50.000.000	
Cộng	1.840.334.525	1.984.097.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	Bà Hà Thị Thanh Vân - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình là vợ ông Nguyễn Hồng Nam - Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn; Ông Nguyễn Văn Khải - Tổng giám đốc Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình là Trưởng Ban kiểm soát SSI

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn như sau:

	9 tháng 2011	9 tháng 2010
Trả tiền mua cổ phiếu	25.000.000.000	25.100.000.000
Mua trái phiếu chuyển đổi	-	80.000.000.000
Cho thuê văn phòng	285.936.760	-
Thu lãi hợp tác kinh doanh	123.139.053	-
Thu lãi trái phiếu	800.000.000	-
Lãi vay phải trả phát sinh từ hợp đồng mua cổ phiếu	967.729.167	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước tiền mua cổ phiếu	50.100.000.000	25.100.000.000
Công nợ phải thu tiền cho thuê văn phòng	35.286.020	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu lãi trái phiếu	-	2.400.000.000
Cộng nợ phải thu	50.135.286.020	27.601.103.145
Chi phí tài chính phải trả	-	1.707.497.222
Cộng nợ phải trả	-	1.707.497.222

2. Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

3. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	247.416.000	674.508.000
Trên 01 năm đến 05 năm	1.979.328.000	3.516.582.000
Trên 05 năm	3.463.824.000	3.332.032.000
Cộng	5.690.568.000	7.523.122.000

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2011

Bùi Xuân Tường
Người lập bảng

Trần Anh Phụng
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYẾN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

						Đơn vị tính: VND	
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	70,000,000,000	96,000,000,000	-	5,697,345,752	5,746,596,965	23,621,549,739	201,065,492,456
Lợi nhuận trong năm						20,022,963,921	20,022,963,921
Trích lập các quỹ trong năm						(4,056,322,769)	(2,616,357,901)
Tăng vốn từ thặng dư	7,000,000,000	(7,000,000,000)		719,982,434	719,982,434		
Phát hành cổ phiếu	38,500,000,000	19,250,000,000					
Chi phí phát hành cổ phiếu		(1,100,000)					
Chia cổ tức trong năm							57,750,000,000
Mua lại cổ phiếu đã phát hành			(16,904,100,720)				(16,904,100,720)
Số dư cuối năm trước	115,500,000,000	108,248,900,000	(16,904,100,720)	6,417,328,186	6,466,579,399	39,588,190,891	259,316,897,756
Số dư đầu năm nay	115,500,000,000	108,248,900,000	(16,904,100,720)	6,417,328,186	6,466,579,399	39,588,190,891	259,316,897,756
Lợi nhuận trong năm						6,310,553,105	6,310,553,105
Trích lập các quỹ trong năm						(3,621,967,764)	(2,655,707,888)
Tăng vốn từ thặng dư				487,860,374	478,399,502		
Phát hành cổ phiếu							
Chi phí phát hành cổ phiếu							
Chia cổ tức trong năm							
Mua lại cổ phiếu đã phát hành						(15,825,000,000)	(15,825,000,000)
Số dư cuối năm nay	115,500,000,000	108,248,900,000	(16,904,100,720)	6,905,188,560	6,944,978,901	26,451,776,232	247,146,742,973

(Signature)

Bùi Xuân Trường
Người lập bảng

(Signature)

Trần Anh Phương
Kế toán trưởng

(Signature)

Nguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYẾN THÁI BÌNH

M.S.D.N: 0301472704 TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYẾN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Giải đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý

Đơn vị tính: VND

Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận the khu vực địa lý:

	Khu vực Miền Nam	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Bắc	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	125,258,990,664	9,654,014,900	38,408,348,996	-	173,321,354,560
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	125,258,990,664	9,654,014,900	38,408,348,996	-	173,321,354,560
Chi phí bộ phận	(119,123,144,128)	(4,853,514,477)	(34,784,882,139)	-	(158,761,540,744)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	6,135,846,536	4,800,500,423	3,623,466,857	-	14,559,813,816
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(6,135,505,209)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					8,424,308,607
Doanh thu hoạt động tài chính					9,546,492,640
Chi phí tài chính					(8,785,541,010)
Chi phí khác					2,005,089,469
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					(841,097,255)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(4,131,374,631)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					366,107,950
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					6,583,985,770
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					5,194,251,997
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					3,850,140,710
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)					-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYẾN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Năm trước	Khu vực Miền Nam	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Bắc	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	105,064,350,287	8,097,564,875	32,216,036,641	-	145,377,951,804
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	105,064,350,287	8,097,564,875	32,216,036,641	-	145,377,951,804
Chi phí bỏ phần	(100,746,571,772)	(4,104,785,415)	(29,418,780,461)	-	(134,270,137,648)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4,317,778,516	3,992,779,460	2,797,256,180	-	11,107,814,156
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	(6,958,049,168)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	4,149,764,988
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	13,877,337,437
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(6,280,638,090)
Thu nhập khác	-	-	-	-	173,848,780
Chi phí khác	-	-	-	-	(166,207,917)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(3,141,558,695)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	34,871,766
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	8,647,418,269
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	4,089,703,831
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	4,625,825,191
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

Bai Xuan Tuong

Bùi Xuân Tường
Người lập bảng

Trần Anh Phương
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2011

Nguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc